

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HS-ST
Ngày 18/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chở

Bà Lương Thị Nhiều

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Bảo, ông Lưu Viết Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026, theo định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HS ngày 05/3/2026 đối với:

Bị cáo: Vi Văn T (tên gọi khác: không có), sinh ngày 16/4/1988 tại: xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số 002088001314, cấp ngày 01/11/2024, nơi cấp: Cục CS QLHS về TTXH; trú tại: Thôn P, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông: Vi Văn L, sinh năm 1962 và bà Chu Thị H, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1990 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/3/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang (cũ) xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị bắt ngày 30/10/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Đồng Văn, Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Bị hại:** Chị Lò Mây P, sinh ngày 01/01/1994; trú tại: Thôn S, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- **Chị Nguyễn Thị N1**, sinh ngày 06/11/1990; trú tại: Thôn P, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Chị Bàn Thị H1**, sinh ngày 15/3/1986; trú tại: Thôn Q, xã P, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Tấn Lò P1, sinh ngày 01/01/1994; trú tại: Thôn S, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Anh Vi Văn T1, sinh năm 1985; trú tại: Thôn L, xã B, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Lưu Thị N2 . Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 24/10/2025, Vi Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đen đỏ, không biển kiểm soát đi từ nhà tại thôn P, xã Y đến xã L, tỉnh Tuyên Quang để bán cá. Đến khoảng 08 giờ 00 phút đến chợ xã L, tại đây Vi Văn T gặp Lò Mây P, chị P hỏi T có bán gì không thì T nói bán cá, T hỏi lại P mua, bán gì? Phàn nói đi thu mua tóc và bọ xít khô. T hỏi P “*Giá mua bọ xít như thế nào*”, P trả lời: *Bọ xít tươi mua giá 1,5 triệu đồng trên 01kg, còn bọ xít khô mua giá 2 triệu đồng trên 01kg*”; khi nghe thấy P mua bọ xít với giá cao, T nghĩ P có nhiều tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của P, nên Thân nói “*thế em chở chị về nhà lấy, ở nhà có khoảng 3 kg*”, mục đích để đưa P ra chỗ ít người, tìm sơ hở để chiếm đoạt tài sản, P đồng ý và đi theo T. Sau đó Vi Văn T chở P bằng xe mô tô của T đi theo đường nhựa về hướng xã N (*trước sáp nhập*), khi đi được khoảng 05km, T nhìn thấy một ngôi làng dưới hẻm (*thuộc thôn S, xã S*) nên đi xe rẽ vào đường đất và dừng xe ở ven đường, sau đó chỉ về phía ngôi làng nói rằng bên nhà đó có bọ xít bán. Vi Văn T dẫn P đi bộ theo đường đất đi về phía làng, quá trình đi Phàn hỏi T số lượng bọ xít có nhiều không thì T nói “*mỗi nhà khoảng 3-4 kg, có khoảng 5 nhà, chị có tiền để mua không*”, P nói “*chị có khoảng 20 triệu, có đủ không, nếu không đủ thì chị gọi cho chồng chị để lấy thêm tiền*” đồng thời mở khoá ngăn túi cho T xem. Nhìn thấy trong ngăn ngoài của túi xách có hai xấp tiền nên Thân tiếp tục dẫn P đi bộ theo đường đất, mục đích để tìm sơ hở chiếm đoạt tài sản của P. Đến khoảng 08 giờ 30 phút, T nói điện thoại hết tiền và hỏi mượn điện thoại của P để gọi cho người bán bọ xít (*mục đích là để sau khi chiếm đoạt được tài sản thì P sẽ không gọi được cho ai*), P mở máy điện thoại và đưa cho T mượn, T cầm điện thoại nhưng không gọi cho ai mà cất điện thoại vào túi áo mưa bên trái. Sau đó Vi Văn T dẫn P quay lại và đi theo khe suối, do khe suối trơn, có độ dốc, nên Thân tháo đôi dép cầm ở tay, lúc này T đang đi phía trước và chuyển hướng bước lên đường đất (từ khe suối lên đường đất cao khoảng 80-90cm), T nhìn và thấy P đang đi ở dưới suối không bước lên đường nên Thân để đôi dép xuống dưới đất và quay lại chỗ P. Khi đến nơi, T nói với P để T cầm hộ túi xách, nhưng P không đồng ý. Sau đó, T đưa tay phải ra để kéo Phàn lên đường đất, nhưng do đường trơn, bậc dốc cao nên P bị trượt chân ngã sấp người xuống đường, trong tư thế hai đầu gối khụy chống xuống đất, hai tay chống vào mặt đường đồng thời khăn đội đầu văng xuống che khuất mặt của P (*P không bị thương tích gì*). Ngay lúc này túi xách của Phàn văng ra phía hông bên trái của chị P (*túi không bị tuột ra khỏi người*) đồng thời T nhanh chóng dùng tay trái luồn vào trong ngăn túi (*ngăn túi không khoá*) giật lấy hai xấp tiền ra rồi cho vào túi áo mưa bên trái và bỏ chạy ra chỗ để xe mô tô lấy xe mô tô bỏ chạy đi theo hướng đi xã N (huyện M *trước sáp nhập*), khi đi được khoảng 05 km, T dừng lại tháo sim trong điện thoại của P đưa trước đó vứt đi (*Thân không nhớ vị trí*). Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi theo đường tắt qua xã M (*trước sáp nhập, nay là xã M*) để đi ra QL4C. Khi đến đoạn đường thuộc xã Đ (*trước sáp nhập, nay thuộc xã Y*), T dừng lại, lấy tiền trong túi ra đếm được tổng số tiền là 21.700.000 đồng bao

gồm 02 kẹp với nhiều mệnh giá khác nhau. Sau đó điều khiển xe mô tô về nhà, khi về đến chợ xã Y, Vi Văn T vào quán tạp hóa của bà Lưu Thị N2 mua 01 đôi dép xỏ ngón màu xanh với giá 60.000 đồng. Sau đó đi về nhà, khi về đến nhà T cất giấu điện thoại của P ở ngăn để đồ bên ghế phụ trong xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát 29H-172.98 (là xe của T). Sau đó Vi Văn T điều khiển xe ô tô đi đến xã B, tỉnh Lào Cai và sử dụng số tiền 16.000.000 đồng cướp được để trả tiền mua cá, còn lại số tiền 5.700.000 đồng T để trong túi xách của T.

Đối với Lò Mẫy P Sau khi bị Vi Văn T cướp giật lấy tài sản, P hô hét đuổi đuổi theo nhưng không kịp nên đi bộ ra ngoài đường và đi nhờ xe máy của một người đàn ông khoảng 30 tuổi (*không biết tên, tuổi, địa chỉ*) đến thôn M, xã S và mượn điện thoại của một người dân (*không quen biết*) gọi điện cho chồng là Tản Lò P1 nói lại sự việc vừa bị cướp giật hết tài sản và nói chồng đến đón. Sau đó P cùng anh P1 quay trở lại nơi xảy ra sự việc thì thấy 01 (một) đôi dép tông màu xanh, chất liệu bằng xốp tại hiện trường nên nhặt lên và mang về nhà. Ngày 26/10/2025, Lò M Phấn đến Công an xã S trình báo về nội dung bị cướp giật số tiền 21.700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động. Ngày 28/10/2025 T được cơ quan CSĐT mời lên làm việc.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành tạm giữ, thu giữ tài liệu, đồ vật, tài sản sau:

- + 01 (một) thẻ nhớ màu đen, trên thẻ có ký tự MicroSD HC V10I, 32GB HIKVISION, cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong 01 phong bì dán kín, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang tại các phần có thể bóc, mở được của phong bì, bên ngoài ghi chữ “Video camera chợ Y”.

- + Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng số 5.700.000 đồng, đã qua sử dụng, còn lưu hành được.

- + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NARZO 50i, loại máy RMX3235, màu sơn đen, số IMEI 1: 865815052071110; số IMEI 2: 865815052071102. Điện thoại đã cũ và qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, được niêm phong trong 01 phong bì dán kín, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang tại các phần có thể bóc, mở được của phong bì, bên ngoài ghi chữ “Điện thoại của Lò Mẫy P”.

- + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại máy V2352, màu xanh đen, số IMEI 1: 862991077716931; số IMEI 2: 862991077716923. Điện thoại đã cũ và qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, được niêm phong trong 01 phong bì dán kín, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang tại các phần có thể bóc, mở được của phong bì, bên ngoài ghi chữ “Điện thoại của Vi Văn T”.

- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, trên mũ có ký tự VERRAS, mũ cũ, đã qua sử dụng.

- + 01 (một) áo mưa màu xanh nước biển, đen trên vị trí ngực trái có ký tự SAKURA, áo mưa cũ, đã qua sử dụng.

- + 01 (một) quần đi mưa, màu đen, size 3XL.

- + 01 (một) khẩu trang màu trắng.

- + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đen đỏ, biển số 23B1-531.73, số khung: 3810KY038994; số máy: JA38E0522416.

- + 01 (một) đôi dép tông màu xanh, kích thước (28x10) cm;

+ 01 (một) túi xách bằng vải màu nâu đỏ, kích thước (24x17) cm, có dây đeo bằng vải, túi có 04 ngăn, ngăn giữa có vết rách dài 17cm.

+ Số tiền là 16.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị N1 (vợ của Vi Văn T) tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 07/01/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chiếc điện thoại trong vụ án Cướp giật tài sản xảy ra ngày 24/10/2025 tại xã S, tỉnh Tuyên Quang được xác định là 339.000 đồng; 01 sim điện thoại của nhà mạng V đã qua sử dụng giá trị là 50.000 đồng. Tổng giá trị được xác định là 389.000 đồng.

Ngày 08/01/2026 Phòng K Công an tỉnh Tuyên Quang ban hành Kết luận số 136/KL-KTHS kết luận không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 02 file video cần giám định ký hiệu A1, A2.

Ngày 29/10/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với bị cáo Vi Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của BLHS.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSKV8 ngày 04/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Vi Văn T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 của BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật sự:

Xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (Ngày 30/10/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 của Bộ luật sự. Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Vi Văn T đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên không đề cập xem xét.

Trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày quan điểm:

Về tội danh, hình phạt: Đồng thuận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị hại nhất trí với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động kiếm sống, bị cáo biết rằng tài sản của công dân được nước, pháp luật bảo hộ. Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với không gian, thời gian, địa điểm mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngoài ra còn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/10/2025, bị cáo đi chợ xã L nói chuyện với bị hại L Phàn và biết bị hại là người mua, bán bộ xít, nghĩ rằng bị hại có nhiều tiền nên bị cáo dùng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin để đưa bị hại đi mua bộ xít, khi đi đến khe suối thuộc thôn S, xã S, tỉnh Tuyên Quang, do sơ hở khi thấy bị hại P bị ngã bị cáo đã nhanh chóng lấy tiền được cất trong túi đeo trên người của bị hại Lò Mảy Phàn rồi tẩu thoát, tổng giá trị tài sản là 22.089.000 đồng. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vi Văn T phạm tội Cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của BLHS.

Tại khoản 1 Điều 171 của luật sự quy định:

“ 1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ, gây dư luận xấu trong nhân dân. Tội phạm cướp giật tài sản là loại tội phạm mang tính táo bạo, liều lĩnh, xảy ra nhanh chóng. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để đấu tranh phòng chống tội phạm đang diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn mà bị cáo gây án nói riêng và tỉnh Tuyên Quang nói chung. Xét cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng miền núi còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra ông nội của bị cáo là Vi Văn H2 có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng nhất, bố và mẹ bị cáo có giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, nên cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 của Bộ luật sự để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân: Xét thấy bị cáo xuất thân từ gia đình có truyền thống tham gia đóng góp cho Nhà nước. Tuy nhiên bị cáo có trình độ văn hoá 12/12, đã bị Toà án nhân dân huyện Yên Minh cũ xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật.

[7] Căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả và bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng là tiền bồi thường tổn thất tinh thần. Tại phiên tòa bị hại khẳng định đã nhận đủ số tiền bị cướp giật và số tiền bồi thường tổn thất tinh thần, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[9] Về vật chứng vụ án: Ngày 11/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: C253/QĐ-CSHS(Đ3) đối với số tiền 21.700.000 đồng và ngày 16/01/2026 ra Quyết định xử lý vật chứng số: C28/QĐ-CSHS(Đ3) đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NARZO 50i, loại máy RMX3235, màu sơn đen, số IMEI 1: 865815052071110; số IMEI 2: 865815052071102 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là bị hại Lò Mấy P. Xét thấy việc trả lại các vật chứng trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập xem xét. Căn cứ Điều 106 BLTTHS và áp dụng Điều 47 của Bộ luật sự, xử lý đối với vật chứng các vật chứng gồm: 01 ĐTDD nhãn hiệu VIVO, loại máy V2352, số IMEI1: 862991077716931, số IMEI 2: 862991077716923, màu xanh đen; 01 xe mô tô gắn máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 23B1-531.73, số khung RLHJA3810KY038994, số máy JA38E0522416, cần trả lại cho bị cáo vì các vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; đối với 01 thẻ nhớ màu đen, trên thẻ có ký tự MicroSD HC V10I, 32GB HIKVISION, được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi mẫu vật hoàn trả sau giám định A1, A2, mặt sau phong bì có các hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia, cần trả lại cho người làm chứng chị Lưu Thị N2, sinh ngày 15/12/1972; trú tại: Thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Vì vật chứng là tài sản cá nhân của chị N2, cần được trả lại; đối với các vật chứng gồm: 01 mũ bảo hiểm màu đen, trên mũ có ký tự VERRAS; 01 áo mưa màu xanh nước biển, đen trên ngực trái có ký tự SAKURA; 01 quần đi mưa màu đen size 3XL; 01 khẩu trang màu trắng, 01 đôi dép tông màu xanh, kích thước (28x10)cm; 01 túi xách bằng vải màu nâu đỏ, kích thước (24x17)cm, có dây đeo bằng vải, túi có 04 ngăn, phần ngăn giữa có vết rách dài 17cm, là công cụ bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội và vật chứng do bị hại giao nộp không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vi Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

[13] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Vi Văn T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy HĐXX chấp nhận.

[14] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ cần được chấp nhận.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[16] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bàn Thị H1, Vi Văn T1, người làm chứng Lưu Thị N2 có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, không ảnh hưởng đến việc làm sáng tỏ vụ án. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật tụng hình sự, HĐXX quyết định tiếp tục giải quyết vụ án.

[17] Đối với chị Bàn Thị H1 là người bán cá cho bị cáo với số tiền 16.000.000 tại giai đoạn điều tra xác định chị H1 không biết về nguồn gốc của số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có, đồng thời chị H1 đã chi tiêu hết do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để thu giữ số tiền trên và truy cứu trách nhiệm hình sự với chị H1 là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. *Tội danh:* Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”

2. *Hình phạt:*

Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật sự. Xử phạt bị cáo:

Vi Văn T 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (30/10/2025).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. *Vật chứng:* Căn cứ Điều 106 BLTTHS, áp dụng Điều 47 của Bộ luật sự 2015:

Trả lại:

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VIVO, loại máy V2352, số IMEI1: 862991077716931, số IMEI 2: 862991077716923, màu xanh đen, cường lực màn hình bị nứt vỡ nham nhở; 01 xe mô tô gắn máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 23B1-531.73, số khung RLHJA3810KY038994, số máy JA38E0522416, cho bị cáo Vi Văn T. Vì các vật chứng không liên quan đến vụ án.

- 01 phong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2, mặt sau phong bì có các hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và các chữ ký, chữ viết của thành

phần tham gia niêm phong bên trong có 01 thẻ nhớ màu đen, trên thẻ có ký tự MicroSD HC V10I, 32GB HIKVISION, trả lại cho chị Lưu Thị N2, sinh ngày 15/12/1972; trú tại: Thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Vì vật chứng là tài sản cá nhân của chị N2.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 mũ bảo hiểm màu đen, trên mũ có ký tự VERRAS; 01 áo mưa màu xanh nước biển, đen trên ngực trái có ký tự SAKURA; 01 quần đi mưa màu đen size 3XL; 01 khẩu trang màu trắng; 01 đôi dép tông màu xanh, kích thước (28x10)cm; 01 túi xách bằng vải màu nâu đỏ, kích thước (24x17)cm, có dây đeo bằng vải, túi có 04 ngăn, phần ngăn giữa có vết rách dài 17cm. Vì các vật chứng là công cụ bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội và vật chứng do bị hại giao nộp không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

(Tình trạng, đặc điểm chi tiết của các vật chứng, như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2026 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang và Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Tuyên Quang.)

4. **Án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Vi Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. **Quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tụng hình sự bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/3/2026).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- PC06, PC10 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- VKSNDKV8, tỉnh Tuyên Quang
- Công an xã Sùng Máng;
- THADS số 02 tỉnh Tuyên Quang;
- Phân trại Tạm giam Đồng Văn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HS THAHS;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Củng Trần Lương